TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỊẤ N NHN ÔN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình - Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Ngọc Cúc - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp B, xã B (nay là xã T), huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Minh S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp B, xã B (nay là xã T), huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà** Nguyễn Thị H **trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Minh S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh

Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 25/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà và ông S không sống chung với nhau từ lâu. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông S xác định có 02 con chung, cháu Lê Hòa B, sinh ngày 02/02/2009 và Lê Xuân T, sinh ngày 20/12/2013. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tạm thời không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Bị đơn ông** Lê Minh S **được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Toà án.**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Minh S; Về con chung: Giao 02 con chung cháu Lê Hòa B, sinh ngày 02/02/2009 và Lê Xuân T, sinh ngày 20/12/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Lê Minh S. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, ông Lê Minh S là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Biên bản xác nhận thông tin về cư trú ngày 29/10/2024 của Công an xã B cung cấp ông Lê Minh S hiện nay đang cư trú tại khu B, ấp B, xã B (nay là xã T), huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Lê Minh S nhưng ông S không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, phiên toà xét xử, bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H, ông S.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, HĐXX xét thấy: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh S tự nguyện kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã T), huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 25/4/2008. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo bà H trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng không sống chung với nhau từ lâu. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông S theo quy định nhưng ông S không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông S đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà H. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông S nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Minh S.

[6] Về con chung: Bà H, ông S có 02 con chung cháu Lê Hòa B, sinh ngày 02/02/2009 và Lê Xuân T, sinh ngày 20/12/2013. Khi ly hôn, bà H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, tạm thời không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu Lê Hòa B, sinh ngày 02/02/2009 và Lê Xuân T, sinh ngày 20/12/2013 hiện nay đang ở với bà H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với ông S. Mặt khác cháu B, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Để không

làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của hai cháu, vì vậy cần thiết giao cháu H1, T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Minh S không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Minh S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hòa B, sinh ngày 02/02/2009 và Lê Xuân T, sinh ngày 20/12/2013 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

Ông S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T1 đã nộp tại biên lai số 0009974 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Minh S không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Minh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Ninh Thuận.
- Đương sự;
- LưuVP- HS.